TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CT MTQG, PTKTXH VÙNG ĐBDTTS &MN, XD NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025 ***(từ năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026)*** **ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 VÀ THỰC HIỆN NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KON BRAIH**

(Kèm theo Tờ trình số: /TT-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND xã Kon Braih)

Đơn vị tính:đồng

TT	Chương trình	Dự toán còn lại kéo dài thực hiện đến 31/12/2026			Điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 (từ năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026)			Bổ sung thực hiện nhiệm vụ đầu tư CT MTQG XDNTM, GNBV và KTXH vùng ĐBDTTS &MN gđ 2026-2030 và thực hiện năm 2026			Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	NSĐP	Tổng vốn	NSTW	NSĐP	Tổng vốn	Trong đó:		
									NSTW	NSĐP	
A	B	1=2+3	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2+5-8	12=3+6-9	
A	**CT MTQG PTKTXH VÙNG ĐBDTTS &MN GIAI ĐOẠN 2021-2025 (từ năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026)**	**890.371.090**	**887.616.090**	**2.755.000**	**890.371.090**	**887.616.090**	**2.755.000**				
I	**CT KTXH vùng ĐBDTTS**	**363.401.897**	**363.401.897**		**363.401.897**	**363.401.897**					
II	**CT MTQG Nông thôn mới**	**526.969.193**	**524.214.193**	**2.755.000**	**526.969.193**	**524.214.193**	**2.755.000**				
B	**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XDNTM, GNBV VÀ PTKTXH vùng ĐBDTTS & MN GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 VÀ THỰC HIỆN NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KON BRAIH**							**890.371.090**	**887.616.090**	**2.755.000**	

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ CT MTQG PTKTXH VÙNG ĐBDTTS &MN GIAI ĐOẠN 2021-2025 ***(từ năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026)*** **ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 VÀ THỰC HIỆN NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KON BRAIH**

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND xã Kon Braih)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chương trình	Dự toán còn lại kéo dài thực hiện đến 31/12/2026			Điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 (từ năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026)			Bổ sung thực hiện nhiệm vụ đầu tư CT MTQG XDNTM, GNBV và KTXH vùng ĐBDTTS &MN gđ 2026-2030 và thực hiện năm 2026			Ghi chú
		Tổng cộng	NSTW	NSĐP	Tổng vốn	NSTW	NSĐP	Tổng vốn	Trong đó:		
									NSTW	NSĐP	
A	B	1=2+3	2	3	7=8+9	8	9	10=11+12	11=2+5-8	12=3+6-9	
	Tổng cộng:	**363.401.897**	**363.401.897**	-	**363.401.897**	**363.401.897**		**363.401.897**	**363.401.897**		
1	**Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**	**33.425.700,00**	**33.425.700,00**		**33.425.700**	**33.425.700**					Hết NV Chi
2	8165679-NSH tập trung thôn Kon Săm Lũ xã Đăk Tờ Re	10.925.700	10.925.700		**10.925.700**	10.925.700					Hết NV Chi
-	8063594-Mã số dùng chung cho các dự án đầu tư công CTMTQG thuộc ngân sách xã Đăk Ruồng	22.500.000	22.500.000		**22.500.000**	22.500.000					Hết NV Chi
3	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**	**237.890.484**	**237.890.484**		**237.890.484**	**237.890.484**					**Trung tâm CUĐVCI xã**
-	7982871-Nâng cấp tuyến liên xã từ thị trấn Đăk Rve đi xã Tân Lập Đăk Ruồng (Khu dân cư phía nam)	33.932.000	33.932.000		33.932.000	33.932.000					Hết NV Chi
-	7997859-Đường liên xã đến KSX thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ nhà bà Mùi đến nhà	2.600.554	2.600.554		2.600.554	2.600.554					Hết NV Chi
-	7997864-Đường đi KSX thôn 5 xã Tân Lập (tuyến đập Đăk Rơ nối tiếp)	777.943	777.943		777.943	777.943					Hết NV Chi
-	8031297-Đường đi KSX thôn 10 xã Đăk Ruồng (đoạn cuối làng đi khu sản xuất)	16.984.000	16.984.000		16.984.000	16.984.000					Hết NV Chi

-	8031463-Đường đi KSX thôn 11 xã Đăk Ruồng (đoạn nối tiếp)	17.059.000	17.059.000		17.059.000	17.059.000					Hết NV Chi
-	8048923-Đường đi KSX thôn Kon Jri Pen xã Đăk Tờ Re	9.960.000	9.960.000		9.960.000	9.960.000					Hết NV Chi
-	8053656-Đường nội thôn thôn 5 xã Tân Lập. Hạng mục nền mặt đường và công trình thoát nước.	2.019.228	2.019.228		2.019.228	2.019.228					Hết NV Chi
-	8053657-Đường đi khu sản xuất thôn 5 xã Tân Lập (Đoạn từ rẫy ông A Oanh đi đến rẫy A Hiền). Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát nước.	4.994.315	4.994.315		4.994.315	4.994.315					Hết NV Chi
-	8053658-Đường nội thôn thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ nhà ông Hảo đi khu sản xuất). Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát nước.	3.045.286	3.045.286		3.045.286	3.045.286					Hết NV Chi
-	8085130-Đường đi khu sản xuất làng Kon K"Lâng thôn Đăk Ơ Nglăng xã Đăk Tờ Re	633.000	633.000		633.000	633.000					Hết NV Chi
-	8098447-Đường đi khu sản xuất thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ nhà A Nhảy đi vào). Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát nước	20.967.000	20.967.000		20.967.000	20.967.000					Hết NV Chi
-	8098448-Đường đi khu sản xuất thôn 6 xã Tân Lập (Ông Kiều). Hạng mục: Nền mặt đường.	27.942.000	27.942.000		27.942.000	27.942.000					Hết NV Chi
	8098449-Đường đi khu sản xuất thôn 5 xã Tân Lập (Đoạn Đăk Rơ đi thao trường bắn). Hạng mục: Nền mặt đường và công trình thoát nước	20.972.000	20.972.000		20.972.000	20.972.000					Hết NV Chi
	8131060-Đường đi KSX thôn Đăk Puih xã Đăk Tờ Re	7.830.692	7.830.692		7.830.692	7.830.692					Hết NV Chi
	8134673-Đường đi KSX thôn 6 xã Tân Lập (Đường liên xã đi khu sản xuất).	16.869.000	16.869.000		16.869.000	16.869.000					Hết NV Chi
	8134683-Đường đi KSX thôn 5 xã Tân Lập (Đoạn từ rẫy Y Ngan đi khu sản xuất)	20.029.000	20.029.000		20.029.000	20.029.000					Hết NV Chi

	8135333-Đường đi KSX thôn Kon Xơm Luh xã Đăk Tờ Re	31.275.466	31.275.466		31.275.466	31.275.466					Hết NV Chi
4	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**	**17.591.793**	**17.591.793**		**17.591.793**	**17.591.793**					Hết NV Chi
	8022294-Phòng học bộ môn Trường Tiểu học KaPaKơLơng xã Đăk Tờ Re huyện Kon Rẫy	16.883.081	16.883.081		16.883.081	16.883.081					Hết NV Chi
	7986341-Công trình vệ sinh nước sạch tại trường Tiểu học Kapakơlơng	708.712	708.712		708.712	708.712					Hết NV Chi
5	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**	**33.013.920**	**33.013.920**		**33.013.920**	**33.013.920**					Hết NV Chi
	8046446-Xây mới hệ thống nhà vệ sinh công cộng và trụ cờ	8.558.429	8.558.429		8.558.429	8.558.429					Hết NV Chi
	8135332-Sân bê tông nhà văn hóa thôn Tam Sơn xã Đăk Tơ Re; Hạng mục: Làm mới sân bê tông	32.991	32.991		32.991	32.991					Hết NV Chi
	7999227-Xây mới 01 nhà để xe	3.281.000	3.281.000		3.281.000	3.281.000					Hết NV Chi
	8000902-Sân bóng chuyền thôn 9 - Kon Srệt - xã Đăk Ruồng	3.005.000	3.005.000		3.005.000	3.005.000					Hết NV Chi
	8053659-Sân bóng chuyền thôn 4 xã Tân Lập.Địa điểm xây dựng: Thôn 4 xã Tân Lập huyện Kon Rẫy.	27.000	27.000		27.000	27.000					Hết NV Chi
	8070520-Sân bóng chuyền thôn 5 xã Tân Lập	1.737.500	1.737.500		1.737.500	1.737.500					Hết NV Chi
	8007116-Sân bóng đá thôn Kon Xơm Luh - xã Đăk Tờ	2.000	2.000		2.000	2.000					Hết NV Chi
	8051307-Sân bê tông nhà rông thôn Kon Xơm Luh xã Đăk Tờ Re	8.109.000	8.109.000		8.109.000	8.109.000					Hết NV Chi
	8054316-Sân bê tông nhà rông làng Kon Tờ Neh thôn Đak Puih xã Đăk Tờ Re	7.274.000	7.274.000		7.274.000	7.274.000					Hết NV Chi
	8125799-Xây dựng 02 biển chỉ dẫn làng du lịch	987.000	987.000		987.000	987.000					Hết NV Chi

6	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**	**41.480.000,00**	**41.480.000,00**		**41.480.000**	**41.480.000**					Hết NV Chi
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	41.480.000,00	41.480.000,00		41.480.000	41.480.000					Hết NV Chi
	8066959-Dự án hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã Đăk Tờ Re huyện Kon Rẫy	4.380.000,00	4.380.000		4.380.000	4.380.000					Hết NV Chi
7	**Vốn chưa phân bổ**	**37.100.000**	**37.100.000**		**37.100.000**	**37.100.000**					Hết NV Chi

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ CT MTQG XD NTM GIAI ĐOẠN 2021-2025 (từ năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026) ĐỂ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 VÀ THỰC HIỆN NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KON BRAIH

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND, ngày tháng năm 2026 của UBND xã Kon Braih)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chương trình	Dự toán còn lại kéo dài thực hiện đến 31/12/2026			Điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 (từ năm 2025 về trước kéo dài sang năm 2026)			Bổ sung thực hiện nhiệm vụ đầu tư CT MTQG XDNTM, GNBV và KTXH vùng ĐBDTTS &MN gđ 2026-2030 và thực hiện năm 2026			Ghi chú (nêu rõ lý do điều chỉnh)	
		Tổng cộng	NSTW	NSĐP	Tổng	Trong đó		Tổng vốn	Trong đó:			
						NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP		
	TỔNG CỘNG	**526.969.193**	**524.214.193**	**2.755.000**	**526.969.193**	**524.214.193**	**2.755.000**	**526.969.193**	**524.214.193**	**2.755.000**		
1	8095401-Đường nội thôn Đăk Pơ Kông (đoạn từ nhà Bà Chanh đến nhà bà Tiến)	140.000	140.000	-	140.000	140.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
2	8095402-Đường nội thôn Tam Sơn (đoạn từ nhà ông Tập đến nhà văn hoá thôn)	85.400	85.400	-	85.400	85.400	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
3	8095399-Đường nội thôn Đak Ơ Nglăng (đoạn từ nhà bà Y Phôih đến dốc cao su)	1.213.742	1.213.742	-	1.213.742	1.213.742	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
4	8088816-Đường đi khu sản xuất thôn 4 xã Tân Lập. Hạng mục: Nhánh 1 nhánh 2 và hệ thống thoát nước	36.395.752	36.395.752	-	36.395.752	36.395.752	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
5	8090872-Nâng cấp cải tạo đường từ Quốc lộ 24 đi khu di tích lịch sử Kon Brai và đi thôn 10 làng Kon Skôi	20.301.000	20.301.000	-	20.301.000	20.301.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
6	8141287-Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Puih xã Đăk Tờ Re	600.000	600.000	-	600.000	600.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
7	7997858-Bê tông đường ngõ xóm thôn 5 xã Tân Lập.	10.663.526	10.663.526	-	10.663.526	10.663.526	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
8	8109478-Đường nội thôn 2 xã Tân Lập	55.366.000	55.366.000	-	55.366.000	55.366.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	490.500.000
9	8134671-Đường nội thôn 3 xã Tân Lập	22.588.000	22.588.000	-	22.588.000	22.588.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	490.499.085
10	8134672-Đường đi khu sản xuất thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ rẫy ông Đắc đi vào khu nghĩa trang nhân dân thôn 6)	2.000	-	2.000	2.000	-	2.000				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	915
11	8108011-Đường từ tỉnh lộ 677 đi KSX thôn 13 (Tuyến số 1 tuyến số 2 tuyến số 3)	915	915	-	915	915	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
12	7999231-Đường nội thôn Đak Ơ Nglăng (đoạn từ Bưu điện xã vào nhà ông A Blôk)	6.257.000	6.257.000	-	6.257.000	6.257.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
13	8000910-Đường từ Nhà rông đến nhà bà Y Brang thôn 8	2.000	2.000	-	2.000	2.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	

14	8002513-Đường từ sân vận động xã đến xóm nhà ông U Bái	1.000	1.000	-	1.000	1.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
15	8022293-Đường đi khu sản xuất sau Huyện đội	2.536.425	2.536.425	-	2.536.425	2.536.425	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
16	8032320-Đường đi khu sản xuất thôn 8 (đoạn nối tiếp) xã Đăk Tờ Re	4.915.704	4.915.704	-	4.915.704	4.915.704	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	4.605.000.000
17	8137312-Đường nội thôn thôn 14 xã Đăk Ruồng	3.030.000	3.030.000	-	3.030.000	3.030.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	4.334.479.000
18	8133328-Trường Tiểu học Kim Đồng (điểm thôn 4) xã Đăk Tờ Re huyện Kon Rẫy. Hạng mục: Làm mới sân bê tông+ hệ thống cấp nước và các hạng mục phụ trợ	2.753.000	-	2.753.000	2.753.000	-	2.753.000				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	270.521.000
19	8110525-Mở rộng nâng cấp công trình nghĩa trang nhân dân Đăk Ruồng - Tân Lập	15.638.000	15.638.000	-	15.638.000	15.638.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
20	8110526-Trường Mầm non Ánh Dương	270.521.000	270.521.000	-	270.521.000	270.521.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
21	8053464-Tường rào trường Tiểu học xã Tân Lập	22.670.400	22.670.400	-	22.670.400	22.670.400	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
22	8053655-Tường rào trường THCS xã Tân Lập	24.017.200	24.017.200	-	24.017.200	24.017.200	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
23	7993436-Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 4 xã Tân Lập.	9.112.000	9.112.000	-	9.112.000	9.112.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
24	7992687-Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại trục thôn Đak Jri xã Đăk Tờ Re	6.394.129	6.394.129	-	6.394.129	6.394.129	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	
25	8103661-Nhà vệ sinh Nhà Rông thôn 4	11.765.000	11.765.000	-	11.765.000	11.765.000	-				Công trình đã hoàn thành quyết toán , hết nhiệm vụ chi	